TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độclập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2022/DS-PT
Ngày:14-6-2022
V/v tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Thắm.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phươnglà Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: BàLữ Thị Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp chia tài sản chung và chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:142/2022/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:116/2022/QĐXXPT-DS ngày 05tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Lê Hoài S; cư trú tại: Khu vực 11, phường N, thành phố Q, tỉnh B và bà Trần Thị Ngọc B; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 12/4/2022 và ngày 14/6/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị B; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà Bính: Ông Trần Bá T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 11/6/2022); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Bá T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B; có mặt.

2. Bà Trần Thị C; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông Trần Bá T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 19/5/2022); có mặt.

3. Bà Trần Thị T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông Võ Xuân V; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 18/5/2022); có mặt.

4. Bà Trần Thị N; có mặt.

5. Bà Trần Thị B; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh B;

Người đại diện hợp pháp của bà B: Bà Trần Thị N; cư trú tại: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2022).

6. Chị Trần Thị Phương H.

7. Chị Trần Thị Phương T.

8. Chị Trần Thị Ngọc B.

9. Anh Trần Bá T.

Cùng cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bà H, bà T, bà B và ông T: Bà Lê Thị T; cư trú tại: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2017); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:*Bà Trần Thị B là bị đơn; bà Trần Thị N và ông Trần Bá T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Hộ gia đình bà là hộ ông Trần Bá T (nay là hộ bà Trần Thị B) có 09 nhân khẩu: Ông T, bà L, bà B, ông Đ, bà T, chị H, chị T, chị B, anh T đã được Nhà nước cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 06 thửa đất tại phường H, thị xã H, tỉnh B: Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.403m^2 (Trong đó có: 200m^2 đất ở và 1.203m^2 đất trồng cây lâu năm); thửa đất số 84, tờ bản đồ số 26, diện tích 2.057m^2 đất trồng cây lâu năm khác; thửa đất số 37, tờ bản đồ số 33, diện tích 1.615m^2 đất trồng cây lâu năm khác; thửa đất số 371, tờ bản đồ số 24, diện tích

404m^2 đất trồng cây lâu năm; thửa đất số 530, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.726m^2 đất trồng lúa; thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.102m^2 đất trồng lúa.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng 06 thửa đất nói trên cho các thành viên trong hộ gia đình và chia thừa kế theo pháp luật đối với phần quyền sử dụng đất của ông T, bà L, ông Đ chết để lại. Đối với thửa đất số 66 và tài sản gắn liền trên đất bà yêu cầu giao chung cho bà và các con của bà là chị H, chị T, chị B, anh T nhận để ở.

Bị đơn bà Trần Thị Btrình bày: Bà đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu Tòa án giải quyết giao chung cho bà T và các con của bà Tnhận 1/7 thửa đất số 66; thửa đất số 371; thửa đất ruộng số 530; thửa đất ruộng số 685. Phần đất còn lại giao cho các 06 chị em của bà sử dụng.

Người đại diện hợp pháp của người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T là bà Lê Thị Tthống nhất trình bày: Đồng ý như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Bá T trình bày: Ông đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T và yêu cầu Tòa án giải quyết giao cho bà T và các con của bà T nhận thửa đất số 371; thửa đất số 530; ½ thửa đất số 685; ½ thửa đất số 84; ½ thửa đất số 37. Đối với thửa đất số 66 ông yêu cầu chia thành 02 phần, bà T nhận phần có nhà chiều ngang giáp đường bê tông 8m. Phần còn lại giao cho các anh chị em của ông cùng sử dụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan b*à *Trần Thị Ctrình bày:* Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan b*à *Trần Thị N trình bày:* Thống nhất như trình bày và yêu cầu của bà B.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan b*à *Trần Thị Ttrình bày:* Thống nhất như trình bày và yêu cầu của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2022/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh B đã quyết định:

1. Giao cho bà Lê Thị T, chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T chung quyền sử dụng một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 26, có diện tích 929,2m^2 (Trong đó có: 100m^2 đất ở và 829,2m^2 đất trồng cây lâu năm) tại khu phố L, phường Hthị xã H, tỉnh B và chung quyền sở hữu toàn bộ ngôi nhà, 01 cây cau và 17 cây dừa trên phần đất được giao. Phần đất được giao có giới cận (Có sơ đồ kèm theo):

+ Đông giáp thửa đất số 1287 dài: 21,56m + 22,53m + 8,12m;

+ Tây giáp đất cùng thửa dài: 52.05m;

+ Nam giáp đường bê tông dài: 16,59m;

+ Bắc giáp thửa đất số 54 dài: 12,32m + 3,04m.

- Giao cho bà Lê Thị T, chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T chung quyền sử dụng thửa đấtsố 84, tờ bản đồ số 26, có diện tích 2.057m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại khu phố L, phường Hthị xã H, tỉnh B và chung quyền sở hữu 05 cây dừa cho quả bình thường trên thửa đất được giao.

- Giao cho bà Lê Thị T, chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T chung quyền sử dụng thửa đất số 530, tờ bản đồ số 17, có diện tích 863m^2 đất trồng lúa tại khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

- Giao cho bà Lê Thị T, chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T chung quyền sử dụng thửa đất số 685, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.102m^2 đất trồng lúa tại khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B.

2. Giao cho bà Trần Thị B, bà Trần Thị C, bà Trần Thị B, ông Trần Bá T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị N chung quyền sử dụng một phần thửa đất số 66, tờ bản đồ số 26, có diện tích 412,5m^2 (Trong đó có: 100m^2 đất ở và 312,5m^2 đất trồng cây lâu năm) tại khu phố Lại K, phường H, thị xã H, tỉnh B và chung được quyền sở hữu 09 cây dừa và 01 cây cau trên phần đất được giao. Phần đất được giao có giới cận (Có sơ đồ kèm theo):

+ Đông giáp đất cùng thửa dài: 52.05m;

+ Tây giáp thửa đất số 67 dài: 2,37m + 2,16m + 8,93m + 7,95m +10,60m + 10,01m.

+ Nam giáp đường bê tông dài: 8,00m.

+ Bắc giáp thửa đất số 65 dài: 8,25m.

- Giao cho bà Trần Thị B, bà Trần Thị C, bà Trần Thị B, ông Trần Bá T, bà Trần Thị T, bà Trần Thị N chung quyền sử dụng thửa đất số 37, tờ bản đồ số 26, có diện tích 1.615m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B và chung quyền sở hữu 23 cây dừa trên thửa đất được giao.

3. Giao cho bà Trần Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 371, tờ bản đồ số 26, có diện tích 404m^2 đất trồng cây lâu năm tại khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh B và được quyền sở hữu 04 cây dừa trên thửa đất được giao.

4. Buộc bà Lê Thị T, chị Trần Thị Phương H, chị Trần Thị Phương T, chị Trần Thị Ngọc B, anh Trần Bá T mỗi người phải thối trả lại giao cho bà Trần Thị B 10.650.000đ (Mười triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án, và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 03/3/2022 và ngày 16/3/2022 bà Trần Thị B kháng cáo; ngày

16/3/2022, bà Trần Thị N và ông Trần Bá T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Trần Thị B, bà Trần Thị N và ông Trần Bá T, HĐXX thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau:

[1.1] Diện tích thửa đất số 66, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.403m^{2,} sau khi đo đạc thực tế thì thiếu 61.3m^2. UBND phường H, thị xã H cung cấp thông tin, thửa đất nêu trên thiếu diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, là do chủ thửa đất 67 liền kề là hộ ông Phan Châu L lấn chiếm 35m^2 và 26.3m^2 còn lại do gia đình hiến cho địa phương để làm đường bê tông. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc bà B và ông T có ý kiến hoặc yêu cầu gì về vấn đề này và cấp sơ thẩm cũng không đưa hộ gia đình ông Phan Châu L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là bỏ sót người tham gia tố tụng và giải quyết vụ án không triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[1.2] Tại Biên bản định giá ngày 24/8/2020 thể hiện thửa đất số 66, tờ bản đồ số 16 có 03 ngôi nhà của vợ chồng vụ Tứ, bà Bính và bà T nhưng trong bản án sơ thẩm lại xác định thửa đất này chỉ có 01 ngôi nhà và xác định phần của từng người là mâu thuẫn với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Hơn nữa cấp sơ thẩm lại giao toàn bộ ngôi nhà (trong đó có ngôi nhà của bà B), cho mẹ con bà T sở hữu mà không cần biết ý kiến của bà B như thế nào, không xem xét về hậu quả của việc bà B không có nơi ở ra sao là trái với quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà B.

[1.3] Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có những sai sót cần phải rút kinh nghiệm như: Cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ, hồ sơ về nguồn gốc, quá trình kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quá trình biến động và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 06 thửa đất đang tranh chấp. Chưa thu thập chứng cứ để xác định quyền sử dụng 200m^2 đất ở trong thửa đất số 66, tờ bản đồ số 16 là của vợ chồng cụ T, cụ L chết để lại hay được cấp cho hộ bà B (gồm bà B và cụ L) hoặc là cấp cho cá nhân bà B mà đã xác định 200m^2 đất ở là của vợ chồng cụ T, cụ L là chưa đủ căn cứ. Không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ trên thực địa đối với 05 thửa đất (trừ thửa đất số 66, tờ bản đồ số 16) nên không xác định rõ thực tế

diện tích các thửa đất này, so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có biến động gì không là chưa tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ nên dẫn đến giải quyết vụ án chưa được chính xác, triệt để.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Trần Thị B, bà Trần Thị N và ông Trần Bá T là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2022/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[3.1] Về án phí: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án. Bà Trần Thị B và ông Trần Bá T được miễn án phí. Bà Trần Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3.2] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số:142/2022/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh B.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho bà Trần Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001937 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thắm **Nguyễn Thanh Tuấn** **Võ Công Phương**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh B;
- TAND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương